

Số: 15/2022/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
*V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Việt Tiến

*Thư ký phiên họp:* Bà Phùng Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:* Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 18/2022/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Lò Thị H, sinh năm 1992

ĐKKHKT: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện tại: 69g Jalan Bandar Kinrara 5A/2 Puchong 47/80 Selangor, Malaysia.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 15/01/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H đăng ký kết hôn ngày 06/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn

hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019, chị H đi lao động tại Malaysia. Từ đó, hai vợ chồng ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 14/02/2011 và cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H có tài sản chung là 01 thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 246,4m<sup>2</sup> tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thửa đất đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số BS 834885 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Lò Thị H. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho anh H toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 474 và không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H. Ngoài ra, anh chị không có tài sản chung nào khác.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H thỏa thuận anh H sẽ là người chịu toàn bộ.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung việc dân sự:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H;

Về con chung: giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 14/02/2011 và cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04/7/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng;

Về tài sản chung: giao 01 thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 246,4m<sup>2</sup> tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho anh H toàn quyền quản lý, sử dụng và không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H;

Về nợ chung, công sức đóng góp: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Ngọc H chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:*

### [1] Về tố tụng:

Căn cứ Công văn số: 2985/QLXNC-P5 ngày 11/02/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an: Chị Lò Thị H xuất cảnh ngày 23/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải và mở phiên họp vắng mặt anh H và chị H là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung:

Chữ ký của chị Lò Thị H trong Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và Bản tự khai không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết của chị Lò Thị H trong các văn bản trên so với chữ ký, chữ viết của chị H trong Giấy chứng nhận kết hôn. Tại Kết luận giám định số: 332/KLGĐ ngày 24/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận: “*Chữ ký dạng chữ viết “Hằng” và các chữ “Lò Thị H” dưới mục “Họ và tên vợ; Người khai ký tên” trên “Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; Bản tự khai” (Tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết “Hằng” và các chữ “Lò Thị H” dưới mục “Vợ” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra.*” Như vậy, có đủ căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản nêu trên là ý chí, nguyện vọng của chị H.

Xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H đi lao động ở nước ngoài, ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên quyết định thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên cần chấp nhận.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 14/02/2011 và cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con của anh chị là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của các cháu nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H xác định vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 246,4m<sup>2</sup> tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thửa đất đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số BS 834885 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Lò Thị H ngày 30/3/2015. Anh chị thống nhất giao thửa đất trên cho anh H toàn quyền quản lý, sử dụng và không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H. Xét thấy thỏa thuận của anh H và chị H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H thỏa thuận anh H là người chịu toàn bộ nên chấp nhận.

Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ và đề nghị Tòa án không giải quyết trong phần quyết định nên không xem xét giải quyết.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, 59 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Lò Thị H.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 14/02/2011 và cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04/7/2014 cho đến khi từng cháu thành niên, có khả năng lao động.

Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị H có các quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được toàn quyền quản lý và sử dụng thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 246,4m<sup>2</sup> tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số BS 834885 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Lò Thị H ngày 30/3/2015.

Anh Nguyễn Ngọc H không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Lò Thị H.

[4] Về nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000161 ngày 08/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[6] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đông Thành;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HS.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Việt Tiến**